

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HS-ST
Ngày 15-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Tuấn Phong - Phó Bí thư thành đoàn Long Xuyên

2. Ông Võ Thanh Tân - Chuyên viên Đội quản lý trật tự đô thị thành phố Long Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Mến - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2022/TLST-HS, ngày 08 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lý Kim D (Tý Trắng), sinh năm 1978 tại thành phố L, tỉnh An Giang. Cư trú: Số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Kim S (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); Bị cáo chung sống như vợ chồng với Kiều Thị T, sinh năm 1977 và có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án: Ngày 23 tháng 11 năm 2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đến ngày 09 tháng 02 năm 2018 chấp hành xong hình phạt tù, chưa nộp án phí.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống chung với cha mẹ, đi học hết lớp 02 thì nghỉ. Ngày 12 tháng 7 năm 2004, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xử

phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong bản án. Ngày 06 tháng 9 năm 2005, bị Tòa án nhân dân huyện Thốt Nốt (nay là quận Thốt Nốt), thành phố Cần Thơ xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong bản án. Ngày 02 tháng 02 năm 2007, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong bản án.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 12 tháng 7 năm 2022 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Hồng C, sinh năm 1969 tại thành phố L, tỉnh An Giang. Cư trú: số B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ruột ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Tô Thị M, con nuôi ông Lê Chánh T và bà Đoàn Thị L (chết); Bị cáo có vợ Nguyễn Kim N và có 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án: Ngày 19 tháng 10 năm 1993, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 13 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân” và 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”, tổng hợp cả hai tội là 18 năm tù, đến ngày 05 tháng 4 năm 2005 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không

Nhân thân: Từ nhỏ sống chung với cha mẹ nuôi, đi học hết lớp 02 thì nghỉ. Ngày 27 tháng 6 năm 1990, bị Tòa án nhân dân thị xã Long Xuyên (nay là thành phố Long Xuyên) xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”, ngày 08 tháng 02 năm 1992 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”, ngày 26 tháng 4 năm 2013 chấp hành xong hình phạt tù và chấp hành xong bản án. Ngày 27 tháng 5 năm 2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 05 tháng 10 năm 2017 chấp hành xong hình phạt tù và đã chấp hành xong bản án.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 22 tháng 4 năm 2022 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Văn P, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2006 tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Cư trú: khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Lê Thị Bích V; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống chung với mẹ tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15 tháng 7 năm 2022 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Văn P:* Bà Lê Thị Bích V, sinh năm 1976; cư trú: khóm A, phường M, thành phố Long X, tỉnh An Giang; là mẹ của bị cáo. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn P:* Bà Văng Thị V - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang. (Có mặt).

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1971

Cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn C (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Hữu L (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Thành L (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 ngày 19 tháng 4 năm 2022, Lý Kim D rủ Phan Thanh N, Lê Văn P và Lê Hồng C đi bắt trộm heo thì tất cả đồng ý. Thực hiện ý định, D điều khiển xe mô tô biển số 67N4-3103 chở C, N điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở P đến trại nuôi heo của ông Nguyễn Công T tại khóm T, phường M, thành phố L. Đến nơi, D và N đứng bên ngoài canh giới, còn C và P vào bên trong bắt trộm 02 con heo giống để vào bao khiêng ra xe cho N và P chở về trước. Sau đó, C quay vào tiếp tục bắt trộm thêm 01 con heo giống nữa khiêng ra xe cho D chở đi. D điều khiển xe mô tô chở C đi được khoảng 500m thì bị ông Nguyễn Thành L (em ruột ông T) chặn lại hỏi nên C xuống xe giao trả con heo đựng trong bao cho ông L rồi cả hai lên xe chạy đi. Ông L đem con heo này giao cho ông T. Lúc này, ông T kiểm tra chuồng heo phát hiện vẫn còn bị mất 02 con heo giống nên nói ông L đi tìm D để yêu cầu trả lại 02 con heo bị mất. Sau đó, D kêu P1 và N đem 02 con heo trả cho ông T.

Đến khoảng 11 giờ 15 phút ngày 19 tháng 4 năm 2022, ông T đến Công an phường M trình báo sự việc.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 con heo, trọng lượng 8,5kg; 01 con heo, trọng lượng 9,9kg và 01 con heo, trọng lượng 17,7kg.

Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 44/KL.HĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố L, xác

định: 03 con heo giống, tổng trọng lượng 36,1kg, có giá trị 4.801.300 đồng.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, C đến Công an phường M đầu thú.

Cáo trạng số 64/CT-VKSLX-HS, ngày 05/8/2022 và Văn bản đính chính cáo trạng số 803/VKSLX-HS, ngày 22/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, truy tố các bị cáo Lê Hồng C, Lý Kim D và Lê Văn P về tội “Trộm cắp tài sản”; C theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015; D và P theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lý Kim D từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Hồng C từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Công T đã nhận tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên không xét đến.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lý Kim D, Lê Hồng C và Lê Văn P khai nhận: do cần tiền tiêu xài nên đã cùng Phan Thanh N lén lút lấy trộm tài sản của ông Nguyễn Công T như nội dung Cáo trạng truy tố. Các bị cáo không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng đã ăn năn hối cải nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn P trình bày quan điểm: Thống nhất về tội danh không tranh luận. Về tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội khi chưa thành niên; trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật hạn chế nên đề nghị áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xử phạt bị cáo với mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhưng cho hưởng án treo.

Bị hại ông Nguyễn Công T vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra trình bày: Ngày 19/4/2022, ông T bị mất trộm 03 con heo giống như nội dung vụ án đã nêu. Ông T đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra thành phố Long Xuyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không kêu oan, không khiếu nại cũng không có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị hại và người làm chứng vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng không ảnh hưởng đến việc xét xử và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy, quá trình điều tra đã thu thập đầy đủ lời khai của những người tham gia tố tụng nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm hình sự:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp lời trình bày của bị hại, người làm chứng và còn phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Đủ căn cứ xác định Lý Kim D, Lê Hồng C và Lê Văn P đã cùng thực hiện hành vi lấy trộm 03 con heo giống của ông Nguyễn Công T, có giá trị 4.801.300 đồng. Hành vi của các bị cáo D, C và P đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản”. D và P theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; riêng đối với C, khi thực hiện hành vi phạm tội C đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên C phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng định khung theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên truy tố các bị cáo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với Phan Thanh N, do đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã ra quyết định truy nã và quyết định tách vụ án hình sự để giải quyết theo quy định pháp luật là có căn cứ.

[4] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Các bị cáo D và C là người đã trưởng thành, có đủ sức khỏe để tìm việc làm chân chính, tạo ra thu nhập lo cho bản thân và gia đình nhưng vì muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài mà không phải lao động mệt nhọc, các bị cáo đã lén lút lợi dụng sơ hở của người khác trong việc quản lý tài sản để lấy trộm; bị cáo D đã từng 04 lần bị xét xử về các tội trộm cắp tài sản và mua bán trái phép chất

ma túy, bị cáo C cũng đã 04 lần bị xét xử về các tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân, cướp tài sản và trộm cắp tài sản; lẽ ra sau khi chấp hành án xong các bị cáo phải nhận thức được lỗi lầm và phấn đấu trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội; nhưng ngược lại với bản chất lười lao động các bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Đối với P, mặc dù chưa thành niên nhưng bị cáo ý thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi đã thực hiện. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, tuân thủ pháp luật, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

Về vai trò đồng phạm: Trong vụ án này các bị cáo D, C và P không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ mà chỉ cùng cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên giữa các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo D là người rủ rê các bị cáo C và P thực hiện hành vi phạm tội; C và P là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm, nên vai trò của các bị cáo là ngang nhau, tuy nhiên do P là người chưa thành niên nên mức hình phạt của bị cáo P sẽ thấp hơn bị cáo D và C.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo C và P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Riêng bị cáo D có hành vi rủ rê bị cáo P là người chưa đủ 18 tuổi cùng thực hiện hành vi phạm tội; đồng thời D đã bị kết án về tội mua bán trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên D phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm và xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo P được áp dụng thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo C được áp dụng thêm tình tiết đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Thấy rằng, bị cáo P có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong thời gian bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo chấp hành tốt quy định tại địa phương. Vì vậy, để tạo điều kiện cho bị cáo khắc phục, sửa chữa lỗi lầm và góp phần phụ giúp cho gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện và phải chịu thời gian thử thách dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Công T đã nhận lại tài sản,

không yêu cầu bồi thường nên không xét đến.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo D và C không có nghề nghiệp ổn định, không tài sản; bị cáo Phú chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, đối với bị cáo Lý Kim D.

Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, đối với bị cáo Lê Văn P.

Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, đối với bị cáo Lê Hồng C.

Điều 136; Điều 292; Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Lý Kim D, Lê Hồng C và Lê Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[1] Xử phạt:

Bị cáo Lý Kim D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2022.

Bị cáo Lê Hồng C 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/4/2022.

Bị cáo Lê Văn P 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 15 tháng 9 năm 2022).

Giao bị cáo Lê Văn P cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí: Các bị cáo Lý Kim D, Lê Hồng C và Lê Văn P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa của bị cáo P được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Nhà Tạm Giữ CA.TPLX;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Hà Thị Chiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Võ Thanh Tân Lý Tuấn Phong

Hà Thị Chiền